

**TOÀ PHÚC THẨM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **161/2025/DS- PT**

Ngày: 26/12/2025

V/v: *“Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phùng Anh Dũng**.

*Các thẩm phán:* Ông **Phạm Tồn** và bà **Trần Thị Kim Liên**.

**- Thư ký phiên tòa:** ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về *“Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 220/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Cụ Huỳnh Thị K (chết ngày 27/01/2024).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Thị K và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ L - sinh năm 1966; cư trú tại: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ L:* ông Thiệu Quang V - Luật sư của Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Tổ E, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tổ E, phường C, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Võ X - sinh năm 1950; cư trú tại: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Võ T - sinh năm 1953; cư trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Võ C1 (L1) - sinh năm 1964; *người hỗ trợ phiên dịch*: Bà Lê Thị C2 - sinh năm 1966 [vợ của ông Võ C3 (Lực; cùng cư trú tại: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi)). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Bà Võ Thị N - sinh năm 1966; cư trú tại: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Võ C4 - sinh năm 1944; cư trú tại: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Phạm Ngọc M - Luật sư của Công ty L6; địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà T, số C đường L, quận T, Thành phố Hà Nội (nay là Tầng D, Tòa nhà T, số C đường L, phường T, Thành phố Hà Nội). Có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lương Thị Đ - sinh năm 1946; cư trú tại tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Võ Thị V1 - sinh năm 1974; Vắng mặt.

3. Chị Võ Thị D - sinh năm 1978; Vắng mặt.

4. Chị Võ Thị H - sinh năm 1980; Vắng mặt.

5. Anh Võ T1 - sinh năm 1986; Vắng mặt.

6. Chị Huỳnh Thúy D1 - sinh năm 2000; Vắng mặt.

7. Anh Bùi Minh V2 - sinh năm 1975 và chị Phan Thị K1 - sinh năm 1990; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng cư trú tại: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi).

8. Chị Võ Thị P - sinh năm 1969; Vắng mặt.

9. Chị Võ Thị V3 - sinh năm 1971; Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi).

10. Anh Võ D2 - sinh năm 1984; cư trú tại số E khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số E khu phố B, phường D, TP.). Có mặt tại phiên tòa.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q). Địa chỉ: Số A đường H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2020, ngày 17/8/2020 và ngày 14/3/2024; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn đề ngày 23/9/2020, ngày 17/02/2023, ngày 24/02/2023, ngày 10/3/2023, ngày 03/4/2024, ngày 15/4/2024, ngày 07/5/2024 và ngày 14/5/2024; các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Võ L vừa là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là cụ Huỳnh Thị K, vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Cha, mẹ của ông là cụ Võ L2 (chết năm 1985) và cụ Huỳnh Thị K (chết ngày 27/01/2024) có 06 người con gồm các ông, bà Võ C4, Võ X, Võ T, Võ C1 (L1), Võ Thị N và ông. Ngoài ra, cụ L2 và cụ K không còn người nào khác, kể cả con riêng hay con nuôi. Cụ L2, cụ K chết không để lại di chúc.

Nguồn gốc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19, diện tích 834m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế có diện tích 829,5m<sup>2</sup>) tại xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 97) là của ông, bà nội để lại cho cha, mẹ của ông sử dụng, làm nhà ở ổn định từ trước năm 1975. Năm 1985, cụ L2 chết; cụ K tiếp tục quản lý, sử dụng thửa 97 đến năm 2008 thì về ở cùng gia đình ông cho đến khi chết vào ngày 27/01/2024.

Năm 2020, cụ K có ý định chuyển nhượng thửa 97 thì mới phát hiện hộ ông Võ C4 đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) thửa đất không có số thửa, tờ bản đồ, diện tích 798m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất T và 598m<sup>2</sup> đất vườn) tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 12/12/2001; ngày 08/11/2006, ông Võ C4 và bà Lương Thị Đ được UBND huyện Đ cấp đổi GCNQSDĐ thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19, diện tích 834m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn và 634m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác); ngày 03/7/2020, ông C4 và bà Đ được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp lại GCNQSDĐ thửa 97, diện tích 834m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị và 634m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác). Việc ông C4 tự ý kê khai, đăng ký để được cấp, cấp đổi GCNQSDĐ, cụ K và các anh, em của ông không hề hay biết.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án khi còn sống, cụ K yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Võ C4, bà Lương Thị Đ đối với thửa 97 vào ngày 03/7/2020 và buộc ông C4, bà Đ phải trả cho cụ K thửa 97.

Ngày 27/01/2024, cụ K chết; ông vừa là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ K, vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án: Buộc

ông Võ C4, bà Lượng Thị Đ phải trả thửa 97; chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ L2 và cụ K là thửa 97, diện tích 834m<sup>2</sup> thành 07 kỷ phần cho các đồng thừa kế gồm ông và các ông, bà Võ X, Võ T, Võ C1 (L1), Võ Thị N, Võ C4; mỗi kỷ phần được hưởng 119,142m<sup>2</sup> (trong đó có 28,57m<sup>2</sup> đất ở và 90,57m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác); riêng ông Võ C4 được nhận thêm 01 kỷ phần do có công quản lý, bảo quản di sản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa 97 thành 06 kỷ phần cho các đồng thừa kế của cụ K và cụ L2; ông yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật; không đồng ý tính 01 kỷ phần công sức cho ông C4 vì năm 1976, ông C4 đã ra ở riêng nên không có công sức quản lý, bảo quản di sản; yêu cầu hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông C4, bà Đ thửa 97. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Hiện trên thửa 97 có một số cây dừa do cụ K, cụ L2 trồng; ai nhận phần đất có cây dừa thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng, không phải thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác. Đối với một phần mái tôn prô xi măng của anh Bùi Minh V2, chị Phan Thị Kiều L3 không gian thửa 97, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh V2, chị K1 là cháu ngoại của cụ K. Ngoài ra, trên thửa 97 không còn tài sản nào khác.

*\* Tại bản tự khai ngày 26/10/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Võ C4 trình bày:* Về quan hệ huyết thống, ông thống nhất như ông Võ L trình bày là đúng.

Nguồn gốc thửa 97, theo các cụ kể lại là của ông cao Võ Bền . Ông cao Võ B có 04 người con là các ông cố Võ S, Võ G, Võ L4, Võ A đại diện cho 04 chi phái, mỗi người sẽ nhận một thửa đất để hưởng lợi hoa màu và sử dụng cho việc thờ cúng tổ tiên, cụ thể: Cố V có cháu trưởng tộc là cụ Võ Tấn T2; cố Võ Giàng có cháu là cụ Võ Thị Ú (trưởng chi phái); cố Võ A có cháu là cụ Võ Đức T3 (trưởng chi phái); cố Võ L4 có cháu trưởng chi phái là ông.

Nhân ngày giỗ của ông cao Võ Bền vào ngày 12/01/1970, cụ Võ Tấn T2 - trưởng tộc đại diện dòng họ, có sự tham gia đầy đủ đại diện 04 chi phái đã họp, thống nhất giao thửa 97 cho ông được thừa kế sử dụng, hưởng lợi hoa màu và chung lo việc thờ cúng tổ tiên với 04 chi phái. Kể từ thời điểm này, cha mẹ của ông (cụ L2, cụ K) đã bàn giao thửa 97 cho ông cùng với trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Do đó, cụ L2 và cụ K không còn liên quan đến thửa 97. Năm 1984, cụ L2 chết, cụ K vẫn tiếp tục ở thửa 97, còn hoa màu vẫn do ông thu hoạch. Quá trình sử dụng thửa 97, khoảng năm 1970 chiến tranh ác liệt, khu vực thửa 97 bị phong tỏa, không có dân sinh sống, chỉ sử dụng cho nông nghiệp; đến năm 1975, gia đình ông cải tạo, xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định, không có tranh chấp với bất kỳ ai. Năm 2001, cụ K nhắn tin bảo ông đăng ký, kê khai để được cấp GCNQSDĐ. Ngày 12/12/2001, hộ ông được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ thửa đất không có số thửa, số tờ bản đồ, diện tích 798m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất T và 598m<sup>2</sup> đất vườn). Thời điểm hộ ông được cấp GCNQSDĐ, cụ K không phải

là thành viên của hộ gia đình ông. Năm 2006, ông làm thủ tục cấp đổi, được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho ông và bà Lượng Thị Đ thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19, diện tích 834m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn và 634m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) vào ngày 08/11/2006. Năm 2020, ông làm thủ tục và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp lại GCNQSDĐ cho ông và bà Đ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19, diện tích 834m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 634m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) vào ngày 03/7/2020. Kể từ thời điểm cấp GCNQSDĐ lần đầu, sau đó cấp đổi, cấp lại thì cụ K không có ý kiến hay phản đối gì. Quá trình quản lý, sử dụng thửa 97 gia đình ông không đưa đất vào Hợp tác xã, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Ông và bà Đ đã được UBND huyện Đ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp, cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ nên thửa 97 là tài sản chung của ông và bà Đ, không phải là di sản của cha, mẹ ông nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ ông là cụ K (khi còn sống), nay là của ông Võ Lệ .1

*\* Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lượng Thị Đ và các anh, chị Võ Thị P, Võ Thị V3, Võ Thị V1, Võ Thị D, Võ Thị H, Võ D2, Võ T1, Huỳnh Thúy D1 cùng trình bày:*

Bà và các anh, chị là vợ, con, cháu ngoại của ông Võ Châu .2 Bà và các anh, chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Võ C4, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Thị K (khi còn sống), nay là ông Võ Lệ .1 Bà và các anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

*\* Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Thị K là bà Võ Thị N, ông Võ Xê C5 trình bày:* Ông, bà là con đẻ của cụ Võ L2 và cụ Huỳnh Thị K. Ông, bà đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của cụ K (khi còn sống), nay là ông Võ Lệ .1 Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông L thì kỷ phần mà ông, bà được hưởng ông, bà đồng ý giao cho ông L được quyền quản lý, sử dụng. Ngoài ra, ông bà không yêu cầu gì khác.

*\* Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Thị K là ông Võ T và ông Võ C1 (L1), (có sự hỗ trợ phiên dịch của bà Trương Thị T4 và bà Lê Thị C2) cùng trình bày:* Các ông là con đẻ của cụ Võ L2 và cụ Huỳnh Thị K. Các ông đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của cụ K (khi còn sống), nay là ông Võ Lệ .1 Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông L thì các ông yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật, liền kề với phần đất chia cho ông L. Ngoài ra, các ông không yêu cầu gì khác

*\* Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Minh V2 và chị Phan Thị Kiều C6 trình bày:* Anh, chị có sử dụng con đường đi ngang qua thửa 97 đang tranh chấp giữa cụ Huỳnh Thị K và ông Võ Châu .2 Cụ K cho anh, chị đi ngang qua thửa 97.

Khi Tòa án giao thửa 97 cho ai quản lý, sử dụng thì anh, chị có nguyện vọng tiếp tục đi con đường này vì không có con đường nào khác đi vào nhà anh, chị. Ngoài ra, khi anh chị làm nhà, có một phần mái hiên phía sau nhà anh, chị nằm trên thửa 97. Trường hợp Tòa án giao cho người nào quản lý, sử dụng phần đất có một phần mái hiên của anh, chị nằm trên thửa 97 mà người đó yêu cầu tháo dỡ thì anh, chị sẽ tháo dỡ.

Vì lý do công việc làm ăn xa, đi lại khó khăn nên anh, chị không đến Tòa án tham gia làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án được nên anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh, chị.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q) do Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thị xã Đ đại diện trình bày ý kiến:*

Ngày 21/8/2001, hộ ông Võ C4 có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với tổng diện tích 798m<sup>2</sup> (loại đất T), thửa đất số 39, địa danh thôn T, nguồn gốc sử dụng: ông, bà để lại. UBND xã P xác nhận ngày 13/12/2001: Đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, diện tích đất ở 200m<sup>2</sup>, đất vườn 598m<sup>2</sup> và được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông C4 là phù hợp với quy định tại phần II Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của T6 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ.

Ngày 05/10/2006, ông Võ C4 và bà Lượng Thị Đ có Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ do đo đạc lập bản đồ địa chính mới năm 2006, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ xác nhận, được UBND huyện Đ ký cấp GCNQSDĐ cho ông C4, bà Đ vào ngày 08/11/2006 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19, diện tích 834m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn và 634m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác). Hồ sơ và trình tự, thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ cho ông C4, bà Đ được thực hiện đảm bảo theo quy định tại khoản 1,2 Điều 114 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Ngày 22/6/2020, ông C4 và bà Đ nộp hồ sơ với Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ với lý do cấp đổi theo mẫu mới GCNQSDĐ. Trên cơ sở tờ trình của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thị xã Đ), Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi GCNQSDĐ cho ông C4, bà Đ vào ngày 03/7/2020 là đảm bảo hồ sơ và trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, 37, 38, 92, 147, 157, 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm

2015; Điều 95, 98, 99, 100, 166, 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 31, 134, 135, 137, 220 Luật đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ L về việc chia di sản thừa kế của cụ Võ L2 và cụ Huỳnh Thị K đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19 (bản đồ đo vẽ năm 2006), diện tích theo đo đạc thực tế 829,5m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 629,5m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Xác định thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19 (bản đồ đo vẽ năm 2006), diện tích theo đo đạc thực tế 829,5m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 629,5m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi là di sản của cụ Võ L2 và cụ Huỳnh Thị K.

3. Trích phần đất có diện tích 107,2m<sup>2</sup> (đất trồng cây hàng năm khác) thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19 (bản đồ đo vẽ năm 2006), phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (ký hiệu E, được giới hạn bởi các điểm 8,9,10,11,12,13,14,15,16,8) để làm đường đi chung.

4. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Võ L2 và cụ Huỳnh Thị K gồm các ông, bà Võ C4, Võ X, Võ T, Võ C1 (L1), Võ L, Võ Thị N.

5. Di sản của cụ Võ L2 và cụ Huỳnh Thị K được chia thành 06 (sáu) kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận 120,4m<sup>2</sup> (trong đó có 33,333m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 87,067m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác), trị giá 68.818.000 đồng (*sáu mươi tám triệu, tám trăm mười tám ngàn*).

6. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ X và bà Võ Thị N về việc tặng cho kỷ phần được hưởng cho ông Võ L. 1

7. Ông Võ C1 (Lực) được nhận phần đất có diện tích 120,3m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 70,3m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác), (ký hiệu A, được giới hạn bởi các điểm 1,2,13,14,1) thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19 (bản đồ đo vẽ năm 2006), phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, trị giá 99.429.000 đồng (*chín mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn*). Ông Võ C1 (L1) có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần chênh lệch cho ông Võ L số tiền 30.611.000 đồng (*ba mươi triệu, sáu trăm mười một ngàn*).

8. Ông Võ T được nhận phần đất có diện tích 120,4m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 70,4m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác), (ký hiệu B, được giới hạn bởi các điểm 2,3,12,13,2) thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19 (bản đồ đo vẽ năm 2006), phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, trị giá 99.435.000 đồng (*chín mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi lăm ngàn*). Ông Võ T có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần chênh lệch cho ông Võ L số tiền 30.617.000 đồng (*ba mươi triệu, sáu trăm mười bảy ngàn*).

9. Ông Võ C4 được nhận phần đất có diện tích 120,4m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 70,4m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác), (ký hiệu D, được giới hạn bởi các điểm 6,7,8,9,6) thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19 (bản đồ đo vẽ năm 2006), phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, trị giá 99.435.000 đồng (*chín mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi lăm ngàn*). Ông Võ C4 có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần chênh lệch cho ông Võ L số tiền 30.617.000 đồng (*ba mươi triệu, sáu trăm mười bảy ngàn*).

10. Ông Võ L được nhận phần đất có diện tích 361,2m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 311,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác), (ký hiệu C, được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,6,9,10,11,12,3) thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19 (bản đồ đo vẽ năm 2006), phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, trị giá 114.605.000 đồng (*một trăm mười bốn triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn*). Ông Võ L được quyền sở hữu số tiền do các ông Võ C4, Võ T, Võ C1 (L1) thanh toán giá trị kỷ phần chênh lệch.

11. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà Võ C4, Võ X, Võ T, Võ C1 (L1), Võ L, Võ Thị N là tài sản (cây dừa, nền nhà cũ) gắn liền với phần đất người nào được nhận thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng, không phải có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác.

12. Buộc ông Võ C4, bà Lương Thị Đ phải có trách nhiệm giao trả cho ông Võ C1 (Lực) phần đất, ký hiệu A; ông Võ T phần đất, ký hiệu B; ông Võ Lê P1 đất, ký hiệu C để ông Võ C1 (L), ông Võ T, ông Võ L quản lý, sử dụng.

(Phần đất các ông Võ C4, Võ T, Võ C1 (L1), Võ L được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo và là một phần không thể tách rời của bản án).

13. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CX 178757, số vào sổ cấp GCN: CS07548 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Võ C4, bà Lương Thị Đ vào ngày 03/7/2020 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19 (*bản đồ đo vẽ năm 2006*), phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai phần đất mà các đương sự được quyền quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/6/2025, bị đơn ông Võ C4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Ông Võ C4 và bà Lương Thị Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ C4 cho rằng: thửa 97 có nguồn gốc của dòng họ V4 giao cho ông C4 quản lý, sử dụng được sự thống nhất của dòng họ, không có bất cứ tranh chấp nào. Cụ K không phải là người thừa kế di sản của dòng họ V4 và không thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Ông C4, bà Đ đã được cấp GCNQSDĐ theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật. Do đó, thửa 97 không phải là di sản của cụ K. Ngoài ra, luật sư còn cho rằng đơn khởi kiện của cụ Huỳnh Thị K là giả mạo. Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K là các ông Võ L, Võ X và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ L cho rằng: Việc ông Võ C4 khai rằng đất của họ V4 để lại cho chi phái do ông C4 là người đại diện là không đúng và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, thể hiện: Việc phía bị đơn cho rằng đơn khởi kiện không phải là của cụ Huỳnh Thị K, nhưng tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/9/2020 có chữ ký của những người làm chứng và được Văn phòng C7 chứng thực nên có căn cứ xác định cụ K khởi kiện yêu cầu ông Võ Châu T5 thửa đất số 97 cho cụ. Ông Võ C4 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khẳng định đất tranh chấp là của họ V4 để lại cho chi phái do ông C4 là người đại diện nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Võ C4, bà Lương Thị Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, khi còn sống nguyên đơn là cụ Huỳnh Thị K yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Võ C4, bà Lương Thị Đ vào ngày 03/7/2020 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19, diện tích 834m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 634m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác), (theo đo đạc thực tế có diện tích 829,5m<sup>2</sup>) tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 97). Do đó, Tòa

án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34, 37, 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Khi còn sống cụ Huỳnh Thị K khởi kiện yêu cầu ông Võ C4, bà Lương Thị Đ phải trả thừa 97 cho cụ K. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *“Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”* là chính xác. Tuy nhiên, ngày 27/01/2024 cụ K chết, ông Võ L vừa là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ K, vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế thừa 97, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý bổ sung và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *“Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất”*. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L trình bày hiện ông C4, bà Đ không quản lý, sử dụng thừa 97 nên không cần thiết phải đòi ông C4, bà Đ trả thừa 97, ông xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế thừa 97 và hủy GCNQSDĐ thừa 97. Do đó, Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là *“Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất”* là đúng quy định theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thời hiệu: Điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này; khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản..., kể từ thời điểm mở thừa kế.* Theo hướng dẫn tại Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp thời điểm mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện về thừa kế được tính từ ngày 10/9/1990.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự đều thừa nhận cụ Võ L2 chết năm 1985. Sau khi cụ K chết, ông Võ L xác định thừa 97 là di sản thừa kế của cụ L2, cụ K nên ngày 18/3/2024, ông Võ L có đơn khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ L2, cụ K. Như vậy, tính đến thời điểm ông L khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ L2 là hơn 30 năm (từ ngày 10/9/1990 đến ngày 18/3/2024) nên đã hết thời hiệu. Tuy nhiên, đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm ra bản án, các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với ông Võ C4 trong quá trình tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm không đồng ý chia thừa kế vì thừa 97 là của dòng họ Võ giao cho ông C4 quản lý, sử dụng, hưởng hoa lợi để lo việc thờ cúng tổ tiên.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/8/2024 (bút lục 793, 794), ông Võ C4 trình bày: *...phần di sản của cụ L2 hết thời hiệu thừa kế thì ai là người quản lý, sử dụng phần di sản của cụ L2 thì được hưởng tài sản đó theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015...* Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận: *Sau khi cụ L2 chết, cụ K tiếp tục quản lý, sử dụng thừa 97 đến năm 2008 thì về ở với gia đình ông L cho đến khi chết vào năm 2024; trước khi cụ K đến ở với gia đình ông L, thì cụ K có ở với gia đình ông C4 một thời gian ngắn (theo ông L khoảng vài tháng, còn theo ông C4 khoảng 01 năm); từ năm 2008, không ai trực tiếp sử*

*dụng thửa 97 mà chỉ hưởng hoa lợi từ cây dừa; khi cụ K còn ở tại thửa 97 thì cụ K hưởng lợi tiền thu hoạch dừa; từ năm 2008 đến năm 2020 (khi cụ K có đơn khởi kiện) thì ông C4 là người hưởng lợi tiền thu hoạch dừa; từ năm 2020 đến nay, không ai thu hoạch, hưởng lợi từ cây dừa.*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *...Hết thời hạn 30 năm, đối với bất động sản thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó.* Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ K là người thừa kế đang quản lý di sản của cụ L2, nên nếu có áp dụng thời hiệu thì di sản của cụ L2 cũng thuộc về cụ K là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.4] Về việc vắng mặt các đương sự như: người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: ông Võ T, ông Võ C1 (L1), bà Võ Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q), bà Lương Thị Đ, anh Bùi Minh V2, chị Phan Thị K1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các anh, chị Võ Thị V1, Võ Thị D, Võ Thị H, Võ T1, Huỳnh Thúy D1, Võ Thị P, Võ Thị V3 đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ 3 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ C4, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: Các đương sự đều thừa nhận cha, mẹ của các ông, bà là cụ Võ L2 (chết năm 1985) và cụ Huỳnh Thị K (chết năm 2024) có 06 người con gồm các ông, bà Võ C4, Võ X, Võ T, Võ C1 (L1), Võ Thị N, Võ Lệ .1 Ngoài ra, cụ L2 và cụ K không còn người nào khác, kể cả con riêng hay con nuôi. Cụ L2, cụ K chết không để lại di chúc.

[2.2] Xét về nguồn gốc tài sản tranh chấp là thửa đất số 97, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.2.1] Theo ông Võ L và các ông, bà Võ X, Võ T, Võ C1 (L1), Võ Thị N đều xác định thửa 97 là của ông, bà nội để lại cho cụ L2, cụ K sử dụng, làm nhà ở ổn định từ trước năm 1975. Năm 1985, cụ L2 chết; cụ K tiếp tục quản lý, sử dụng thửa 97 đến năm 2008 thì về ở cùng với gia đình ông Võ L cho đến khi chết vào ngày 27/01/2024. Ông Võ C4 thì cho rằng thửa 97 là của dòng họ Võ giao cho ông quản lý, sử dụng, hưởng hoa lợi để lo việc thờ cúng tổ tiên. Ông và bà Lương Thị Đ đã được UBND huyện Đ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 2001; cấp đổi, cấp lại vào năm 2006 và năm 2020 nên thửa 97 là của ông C4 và bà Đ, không phải là di sản của cụ L2, cụ K nên ông không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông L.

[2.2.2] Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, ngày 22/6/2021, UBND thị xã Đ Theo có Văn bản số 1395/UBND về việc cung cấp thông tin, tài liệu cho Tòa án có nội dung: ... để bảo đảm thông tin cung cấp cho Tòa án một

*cách cụ thể, chi tiết, đề nghị Tòa án yêu cầu UBND phường P trực tiếp trả lời cho Tòa án về việc cấp GCNQSDĐ, cụ thể: nội dung kê khai so với hiện trạng, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất... Tại Văn bản số 34/UBND ngày 21/02/2022, UBND phường P cung cấp thông tin cho Tòa án như sau:...Nguyên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19, diện tích 834m<sup>2</sup> (theo bản đồ 299/TTg là thửa đất số 39, tờ bản đồ số 18), trước kia là của ông, bà để lại nhưng bị bỏ hoang, sau khi cụ Huỳnh Thị K lập gia đình với cụ Võ L2 được cha, mẹ chồng cho mảnh đất này và vợ chồng cụ L2 khai phá và làm nhà ở từ trước năm 1975 đến năm 1985, cụ L2 chết, cụ K tiếp tục sử dụng đến năm 2001... Các nội dung này là phù hợp với lời trình bày về nguồn gốc của các ông, bà L, X, T, C1 (L1), N và cũng phù hợp với phần kê khai nguồn gốc sử dụng đất được thể hiện tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 21/8/2001 của ông Võ C4 (bút lục 195, 196); ngoài ra, tại Đơn xin cấp lại, cấp đổi GCNQSSD đề ngày 05/10/2006 thể hiện người viết đơn là Võ C4 (bút lục 191, 192), phần kê khai nguồn gốc sử dụng đất là của cha mẹ để lại trước năm 1975; tại Biên bản hòa giải ngày 20/8/2024 (bút lục 793, 794) và tại phiên tòa, ông C4 thừa nhận chữ *Võ Châu* tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 21/8/2001 là chữ viết của ông, còn chữ Võ C4 tại Đơn xin cấp lại, cấp đổi GCNQSSD đề ngày 05/10/2006 là chữ viết của bà Đ.*

[2.2.3] Ông C4 cho rằng vào ngày 12/01/1970, cụ Võ Tấn T2 đại diện dòng họ Võ, có sự tham gia đầy đủ của đại diện 04 chi phái đã thống nhất giao thửa 97 cho ông quản lý, sử dụng, hưởng hoa lợi để lo việc thờ cúng tổ tiên; ông C4 cung cấp Bản tự khai đề ngày 20/01/2021 thể hiện người khai có tên Võ Tấn T2 và Vi bằng kèm theo. Tuy nhiên ông C4 cũng thừa nhận không có giấy tờ về nguồn gốc nên không thể cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa 97 là của dòng họ Võ.

[2.2.4] Về quá trình quản lý, sử dụng thửa 97: Ông C4 trình bày ngày 12/01/1970, ông được dòng họ Võ giao thửa 97 cho ông quản lý, sử dụng, hưởng hoa lợi để lo việc thờ cúng tổ tiên; tuy nhiên, tại thời điểm năm 1970 thì cụ L2 còn sống, đến năm 1985, cụ L2 mới chết; tại phiên tòa, ông C4 thừa nhận nền nhà cũ (nền đất) được thể hiện trong Sơ đồ địa chính thửa đất do Công ty TNHH K2 thực hiện ngày 23/12/2020 (bút lục 213) nguyên là nhà của cụ L2, cụ K làm sau năm 1975; tiền làm nhà là của cụ L2, cụ K; ông chỉ góp công; khi cụ L2, cụ K làm nhà, ông không có ý kiến gì; tại Biên bản hòa giải ngày 20/8/2024 (bút lục 793, 794) và tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận cụ L2, cụ K từ lúc kết hôn đến khi sinh 06 người con đều sinh sống tại thửa 97; khi các con trưởng thành, lập gia đình thì không còn ở tại thửa 97, riêng ông C4 có vợ vào năm 1965, làm nhà ở riêng tại thửa 97 đến năm 1976 thì ông C4 mua đất nơi khác, làm nhà ở cho đến nay; ông L có vợ năm 1986 (theo ông C4 thì ông L có vợ năm 1982 vì khi ông L có vợ thì cụ L2 vẫn còn sống), vợ chồng ông L ở chung với cụ K tại thửa 97 đến năm 1994 thì ông L mua đất làm nhà ở riêng cho đến nay; năm 1985, cụ L2 chết, cụ K tiếp tục ở thửa 97 đến năm 2008, ông C4 đưa cụ K về nhà ông C4 ở cùng

được khoảng vài tháng thì ông C4 đưa cụ K đến ở với ông L cho đến khi chết, còn ông C4 thì cho rằng ông không nhớ cụ K về ở với ông năm nào nhưng ở với ông được khoảng 01 năm thì cụ K qua ở với ông L cho đến khi chết; tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 24/6/2020 của UBND phường P (bút lục 20 - 22), ông Võ C4 trình bày: *Thửa 97 là của ông, bà để lại cho ông là cháu đích tôn tiếp tục thừa hưởng để hưởng lợi hoa lợi cúng giỗ ông bà; năm 2001, trên thửa 97 có ngôi nhà của cụ L2, cụ K xây dựng, được sự đồng ý của cụ K nên năm 2001, ông kê khai và được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ....; bà Đ cũng trình bày:...khi đăng ký cấp GCNQSDĐ, về nhà thì mẹ chồng đang ở, còn đất thì mẹ chồng bà đồng ý cho ông C4 đứng tên kê khai...Nhu vậy, việc ông C4 cho rằng thửa 97 là của dòng họ Võ giao cho ông vào năm 1970 là không có cơ sở đáng tin cậy, bởi lẽ như nhận định trên, tại thời điểm năm 1970, cụ L2 còn sống, trường hợp thửa 97 là của dòng họ Võ giao cho các con, cháu qua các thời kỳ quản lý, sử dụng, thu lợi hoa màu để lo việc cúng giỗ thì phải giao cho cụ L2, không thể giao cho ông C4 vì thời điểm này cụ L2 còn sống, còn ông C4 mới 26 tuổi; mặt khác, trường hợp thửa 97 là của dòng họ Võ giao cho ông C4 nhưng ông C4, bà Đ lại thừa nhận năm 2001, cụ K nhắc ông C4 về và đồng ý để ông C4 làm thủ tục kê khai để được cấp GCNQSDĐ thửa 97 là mâu thuẫn.*

[2.3] Xét việc ông C4 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C4 cho rằng có dấu hiệu giả mạo trong việc cụ K làm đơn khởi kiện ông C4, thì thấy rằng: Cụ K sinh năm 1925 (bút lục 19), tại thời điểm tháng 3/2022 thì cụ K đã 97 tuổi, bản thân ông C4 cũng thừa nhận khi cụ K có đơn khởi kiện, cụ K đã tuổi cao, sức yếu; thời điểm này cụ K đang ở với gia đình ông L, nhưng khi ông C4 và Luật sư của ông C4 đến làm việc trực tiếp với cụ K vào ngày 17/3/2022 (theo trình bày của ông C4 tại bút lục 108, 412 và tại phiên tòa) thì không có sự tham gia chứng kiến của người làm chứng hay gia đình ông L là không khách quan. Mặt khác, theo đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2020 thể hiện người khởi kiện là cụ Huỳnh Thị K, trong đó có nội dung yêu cầu ông Võ C4 trả lại thửa 97 cho cụ K; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện này có người làm chứng là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ngoài ra còn được Văn phòng C7 chứng thực việc điểm chỉ. Do đó, việc ông C4 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C4 cho rằng cụ K xác nhận không khởi kiện đòi lại đất, không biết gì về vụ án là không có cơ sở. Ngoài ra, sau khi cụ K chết thì ông L đã có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ K và cụ L2, được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết nên ý chí của cụ K khi còn sống có thực hiện việc khởi kiện hay không, không còn quan trọng.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 97 là di sản của cụ L2 và cụ K, đồng thời chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Võ C4 và bà Lượng Thị Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu mới, khác làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ C4 và bà Lượng Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông C4 và bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề cập xem xét, giải quyết.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ C4 và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lượng Thị Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Võ C4 và bà Lượng Thị Đ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Anh Dũng**